



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2519**/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày **12** tháng **11** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung có mục tiêu năm 2025 từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường hỗ trợ khắc phục thiên tai về nhà ở do ảnh hưởng bão số 13

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 07/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ khẩn cấp kinh phí cho các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai và Đắk Lắk khắc phục hậu quả do cơn bão số 13;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 4934/SNNMT-TL ngày 11/11/2025 và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 470/TTr-STC ngày 12/11/2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung có mục tiêu năm 2025 từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường để hỗ trợ khắc phục thiên tai về nhà ở do ảnh hưởng bão số 13 **với tổng số tiền 123.462 triệu đồng** (Chi tiết phụ lục kèm theo).

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ tại Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 07/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ với số tiền 30.000 triệu đồng.

- Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh tại Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND tỉnh với số tiền: 75.000 triệu đồng.

- Nguồn Quỹ dự trữ tài chính với số tiền: 18.462 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực XV thực hiện việc bổ sung mục tiêu tại Điều 1 đảm bảo theo quy định Nhà nước hiện hành; đồng thời, có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện việc chi trả và thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo quy định.

2. Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của báo cáo, danh sách đề xuất hỗ trợ; quá trình triển khai không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực; thực hiện việc chi trả và thanh quyết toán kinh phí nêu trên đảm bảo theo quy định Nhà nước hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV; Chủ tịch UBND các xã, phường (*theo phụ lục đính kèm*) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPTH, PVPNN;
- Lưu: VT, T5, N5, N6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

ST T	Xã, phường	Trong đó:								Ghi chú
		Tổng kinh phí hỗ trợ		Nhà sập hoàn toàn (60 triệu đồng/nhà)		Nhà bị tốc mái hoàn toàn (5 triệu đồng/nhà)		Nhà bị hư hỏng, tốc mái một phần (2 triệu đồng/nhà)		
		Số nhà	Số tiền (triệu đồng)	Số nhà	Số tiền hỗ trợ (triệu đồng)	Số nhà	Số tiền hỗ trợ (triệu đồng)	Số nhà	Số tiền hỗ trợ (triệu đồng)	
	TỔNG CỘNG	18.219	123.462	1.086	65.160	8.012	40.060	9.121	18.242	
1	Phường Quý Nhơn	348	952	4	240	8	40	336	672	
2	Phường Quý Nhơn Đông	452	2.733	26	1.560	107	535	319	638	
3	Phường Quý Nhơn Tây	29	145	-	-	29	145	-	-	
4	Phường Quý Nhơn Nam	271	4.254	64	3.840	-	-	207	414	
5	Phường Quý Nhơn Bắc	200	7.380	116	6.960	84	420	-	-	
6	Xã Nhơn Châu	484	15.025	242	14.520	7	35	235	470	
7	Phường Bình Định	55	385	2	120	53	265	-	-	
8	Phường An Nhơn	527	3.020	7	420	520	2.600	-	-	
9	Phường An Nhơn Đông	789	3.517	19	1.140	279	1.395	491	982	
10	Phường An Nhơn Nam	179	358	-	-	-	-	179	358	
11	Phường An Nhơn Bắc	460	10.897	167	10.020	97	485	196	392	
12	Phường Bồng Sơn	33	69	-	-	1	5	32	64	
13	Phường Hoài Nhơn	21	57	-	-	5	25	16	32	
14	Phường Tam Quan	1	2	-	-	-	-	1	2	
15	Phường Hoài Nhơn Đông	94	233	-	-	15	75	79	158	
16	Phường Hoài Nhơn Tây	1	2	-	-	-	-	1	2	
17	Phường Hoài Nhơn Bắc	7	90	1	60	6	30	-	-	
18	Xã Phù Cát	529	1.686	4	240	132	660	393	786	
19	Xã Xuân An	511	1.797	7	420	123	615	381	762	
20	Xã Ngô Mỹ	2.276	7.828	6	360	976	4.880	1.294	2.588	
21	Xã Cát tiến	574	2.353	8	480	247	1.235	319	638	
22	Xã Đê Gi	708	1.880	8	480	-	-	700	1.400	
23	Xã Hòa Hội	84	530	2	120	82	410	-	-	
24	Xã Hội Sơn	80	160	-	-	-	-	80	160	
25	Xã Phù Mỹ	1	60	1	60	-	-	-	-	
26	Xã An Lương	39	483	6	360	19	95	14	28	
27	Xã Bình Dương	48	240	-	-	48	240	-	-	
28	Xã Phù Mỹ Đông	90	1.709	26	1.560	7	35	57	114	
29	Xã Phù Mỹ Tây	15	320	5	300	-	-	10	20	
30	Xã Phù Mỹ Bắc	31	540	7	420	24	120	-	-	
31	Xã Tuy Phước	450	5.000	50	3.000	400	2.000	-	-	
32	Xã Tuy Phước Đông	2.648	14.805	53	3.180	2.145	10.725	450	900	
33	Xã Tuy Phước Tây	255	1.190	5	300	130	650	120	240	
34	Xã Tuy Phước Bắc	3.440	12.429	23	1.380	1.405	7.025	2.012	4.024	
35	Xã Tây Sơn	26	134	1	60	8	40	17	34	
36	Xã Bình Khê	8	22	-	-	2	10	6	12	
37	Xã Bình Hiệp	32	296	4	240	-	-	28	56	
38	Xã Bình An	313	861	4	240	1	5	308	616	
39	Xã Hoài Ân	156	1.220	8	480	148	740	-	-	
40	Xã Ân Tường	82	410	-	-	82	410	-	-	
41	Xã Kim Sơn	34	156	1	60	10	50	23	46	
42	Xã Vạn Đức	50	154	-	-	18	90	32	64	
43	Xã Ân Hào	22	71	-	-	9	45	13	26	
44	Xã Vân Canh	202	3.155	39	2.340	163	815	-	-	
45	Xã Canh Vinh	511	2.366	12	720	216	1.080	283	566	
46	Xã Vĩnh Thạnh	212	1.097	1	60	205	1.025	6	12	
47	Xã Vĩnh Quang	43	748	11	660	8	40	24	48	
48	Xã An Hòa	17	37	-	-	1	5	16	32	
49	Xã An Lão	2	4	-	-	-	-	2	4	
50	Xã An Toàn	25	108	1	60	-	-	24	48	
51	Phường Pleiku	1	2	-	-	-	-	1	2	
52	Phường An Phú	7	14	-	-	-	-	7	14	
53	Xã Biển Hồ	15	900	15	900	-	-	-	-	
54	Xã Đak Doa	1	2	-	-	-	-	1	2	
55	Xã Mang Yang	2	7	-	-	1	5	1	2	
56	Xã Lơ Pang	8	16	-	-	-	-	8	16	
57	Xã Kon Chiêng	2	7	-	-	1	5	1	2	

ST T	Xã, phường	Tổng kinh phí hỗ trợ		Trong đó:						Ghi chú
				Nhà sập hoàn toàn (60 triệu đồng/nhà)		Nhà bị tốc mái hoàn toàn (5 triệu đồng/nhà)		Nhà bị hư hỏng, tốc mái một phần (2 triệu đồng/nhà)		
		Số nhà	Số tiền (triệu đồng)	Số nhà	Số tiền hỗ trợ (triệu đồng)	Số nhà	Số tiền hỗ trợ (triệu đồng)	Số nhà	Số tiền hỗ trợ (triệu đồng)	
58	Xã Hra	24	164	2	120		-	22	44	
59	Xã Ayun	15	30		-		-	15	30	
60	Phường An Khê	77	154		-		-	77	154	
61	Phường An Bình	30	118	1	60		-	29	58	
62	Xã Kbang	8	40		-	8	40		-	
63	Xã Kông Bơ La	21	710	11	660	10	50		-	
64	Xã Tơ Tung	6	128	2	120		-	4	8	
65	Xã Đak Rong	7	14		-		-	7	14	
66	Xã Kông Chro	3	180	3	180		-		-	
67	Xã Ya Ma	6	128	2	120		-	4	8	
68	Xã Chư Krey	4	20		-	4	20		-	
69	Xã SRó	28	1.680	28	1.680		-		-	
70	Xã Đăk Song	32	930	14	840	18	90		-	
71	Xã Chợ Long	4	20		-	4	20		-	
72	Xã Chư Sê	5	10		-		-	5	10	
73	Xã Bờ Ngoong	1	2		-		-	1	2	
74	Xã Ia Ko	4	8		-		-	4	8	
75	Xã Albá	5	10		-		-	5	10	
76	Xã Ia Lâu	5	25		-	5	25		-	
77	Xã Ia Mơ	12	720	12	720		-		-	
78	Xã Phú Túc	1	60	1	60		-		-	
79	Xã Ia Dreh	54	166	1	60		-	53	106	
80	Xã Ia Rsai	1	2		-		-	1	2	
81	Xã Uar	4	14		-	2	10	2	4	
82	Xã Đức Cơ	6	70	1	60		-	5	10	
83	Xã Ia Dók	17	250	3	180	14	70		-	
84	Xã Ia Pnôn	3	12		-	2	10	1	2	
85	Xã Ia Chía	3	6		-		-	3	6	
86	Xã Ia Phí	2	4		-		-	2	4	
87	Xã Ia Pa	2	4		-		-	2	4	
88	Xã Ia Tul	128	1.448	16	960	88	440	24	48	
89	Xã Đak Pơ	38	1.345	21	1.260	17	85		-	
90	Xã Ya Hội	76	268	2	120		-	74	148	
91	Xã Phú Thiện	4	240	4	240		-		-	
92	Xã Chư A Thai	38	335	4	240	9	45	25	50	
93	Xã Ia Hiao	28	114	1	60		-	27	54	
94	Xã Chư Pưh	1	5		-	1	5		-	
95	Xã Ia Le	10	90	1	60	4	20	5	10	
96	Xã Ia Hnú	5	22		-	4	20	1	2	